**TRƯỜNG THCS PHONG PHÚ**

**NỘI DUNG TỰ HỌC DÀNH CHO HỌC SINH**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

**TUẦN 3 (20/9/2021 -> 25/9/2021)**

**CHỦ ĐỀ: CA DAO – DÂN CA**

**Tiết 9: NHỮNG CÂU HÁT** **VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

1. Khái niệm ca dao, dân ca

2. Đặc điểm của ca dao dân ca

3. Các chủ đề ca dao dân ca

**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

**Bài 1**

**- Hình thức truyền đạt:** Là lời hát ru của mẹ với con

**- Thể thơ:** lục bát

=> Mang đậm dấu ấn âm hưởng dân gian, ngọt ngào, tha thiết

**- Nghệ thuật:**

Kết cấu: *Công cha – nghĩa mẹ*

So sánh: *công cha – núi Thái Sơn; nghĩa mẹ - nước biển Đông*

Điệp ngữ: *núi, biển*

Từ láy: *mênh mông*

Thành ngữ: *Cù lao chín chữ*

**-Nội dung:**

Ca ngợi công ơn của cha mẹ

Nhắn gửi về bổn phận của người làm con.

**Bài 4**

**- Hình thức truyền đạt:**

Là lời của ông bà, cô bác với con cháu.

Cha mẹ dặn dò con cái.

Anh em tâm sự với nhau.

**- Thể thơ**

+ Lục bát

**-Nghệ thuật:**

Kết cấu: *Anh em, chị em* quen thuộc trong ca dao, chỉ mối quan hệ gần gũi, thân thiết trong gia đình

Ngôn ngữ: Từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất.

BPNT: So sánh: “như thể tay chân”

**- Nội dung:** Tình cảm thiêng liêng, không thể tách rời.

**-Ý nghĩa, bài học:**

Khuyên nhủ anh em phải yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ nhau

Đó cũng là cách báo đền chữ hiếu cụ thể với cha mẹ.

III. Tổng kết

IV. Luyện Tập

………………………………………………………………………………….

**Tiết 10: NHỮNG CÂU HÁT**

**VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI**

**I.Đọc – hiểu chú thích**

**- Thể loại:** ca dao

**- Thể thơ:** lục bát, lục bát biến thể.

**- PTBĐ:** biểu cảm

**II. Đọc - hiểu văn bản**

**a. Bài 1:**

- Bài ca dao có 2 phần.

+ Phần 1: câu hỏi của chàng trai

+ Phần 2: lời đáp của cô gái

- Hình thức đối đáp

=> Cả cô gái và chàng trai đều có niềm tự hào và tình yêu tha thiết đối với quê hương, đất nước; thể hiện sự hiểu biết về kiến thức địa lí, lịch sử bằng hình thức đố đáp.

**b. Bài 4**

- Hai dòng thơ đầu: 12 tiếng

=> Thể thơ: Lục bát biến thể

- Nhịp thơ: 4/4/4

=> Gợi sự dài rộng, bao la, mênh mông của cánh đồng

- Biện pháp nghệ thuật: đối xứng, điệp từ, đảo từ ngữ, từ láy.

+ Đứng bên ni đồng – Đứng bên tê đồng 🡪 Điệp từ và đối.

+ Mênh mông bát ngát – Bát ngát mênh mông 🡪 Đảo từ ngữ và điệp từ.

=> Đứng ở phía nào nhìn, ngắm cũng thấy cánh đồng bát ngát mênh mông. Làm tăng thêm sự rộng lớn ngút ngàn của cánh đồng. Thể hiện sự sống căng tràn, tốt tươi của cánh đồng đang thì con gái.

- Phép so sánh kết hợp từ láy:

=> Hình dung ra cô gái trong buổi sáng mai trẻ trung đầy sức sống, tinh khôi thanh khiết, lại vừa rất duyên dáng mảnh mai.

=> Ý thức về vẻ đẹp của quê hương và vẻ đẹp của bản thân.

**III. Tổng kết: sgk**

**IV. Luyện tập**

…………………………………………………………………………………………

**Tiết 11: TỪ LÁY**

**I. Các loại từ láy:**

\*Xét ví dụ SGK/41.

**Đăm đăm:** Lặp lại tiếng gốc

**🡪 Từ láy toàn bộ.**

**Mếu máo:** Lặp bộ phận **m**

**Liêu xiêu:** Lặp bộ phận **iêu**

**=>Từ láy bộ phận.**

\* Xét ví dụ 2 SGK/42.

**- bật bật→bần bật 🡪** biến đổi phụ âm cuối để tạo sự hài hòa về âm thanh.

**- thẳm thẳm→thăm thẳm 🡪** biến đổi thanh điệu để tạo sự hài hòa về âm thanh.

**Ghi nhớ 1: SGK/42**

**II. Nghĩa của từ láy:**

*\*Xét ví dụ 1SGK/42*

***- ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu***

**🡪 Tạo nghĩa dựa trên mô phỏng âm thanh.**

*\*Xét ví dụ 2:SGK/42.*

a/ Lí nhí, li ti, ti hí: **🡪**Có chung khuôn vần “ i ” biểu thị tính chất nhỏ bé về âm thanh và hình dáng.

b/ nhấp nhô, phập phồng, bập bềnh:

**🡪**Lặp lại phụ âm đầu và vần ấp. Mô tả trạng thái vận động khi lên khi xuống, gồ ghề không bằng phẳng.

*Xét ví dụ 3 SGK/42*

- mềm mại - mềm **🡪Mang sắc thái biểu cảm rõ rệt**.

- đo đỏ - đỏ**🡪Sắc thái giảm nhẹ**

- thăm thẳm - thẳm ;ầm ầm - ầm; ào ào - ào **->Sắc nhấn mạnh**

**\*Ghi nhớ 2: SGK/42**

**III. Luyện tập:**

**Bài tập 1: SGK/43**

|  |
| --- |
| **Từ láy toàn bộ** |
| * bần bật * thăm thẳm * chiêm chiếp |

|  |
| --- |
| **Từ láy bộ phận** |
| * nức nở * tức tưởi * rón rén * lặng lẽ * rực rỡ * ríu ran. * nặng nề |

**Bài tập 3: HS điền từ láy**

*a/ Bà mẹ ………… khuyên bảo con.*

*b/ Làm xong công việc, nó thở phào …………...như trút được ghánh nặng.*

**Bài tập 4**

- Cô giáo em có dáng người *….*

- Bạn Nam nói năng *…* như con gái.

- Mẹ chăm chút cho các con từ những cái *…* nhất.

- Bạn bè không nên *…* với nhau

………………………………………………………………………………………

**Tiết 12: QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN**

**I.CÁC BƯỚC TẠO LẬP VĂN BẢN**

Bước 1: Định hướng văn bản

Bước 2: Xây dựng bố cục

Bước 3: Diễn đạt các ý ghi trong bố cục

Bước 4: Kiểm tra

Ghi nhớ:

II.LUYỆN TẬP

Bài tập 2 (SGK trang 46):

Định hướng sai:

- Mục đích :Viết để tường thuật lại quá trình học tập của bản thân

- Nội dung: Báo cáo thành tích học tập.

- Đối tượng: Viết cho thầy cô

- Cách thức: Xưng hô thầy – em (con).

Định hướng đúng

- Mục đích :Viết để truyền kinh nghiệm học tốt.

- Nội dung:Báo cáo kinh nghiệm học tập.

- Đối tượng: Viết cho bạn bè

- Cách thức: Xưng hô bạn – mình

Bài tập 3 (SGK trang 46-47): Cách trình bày dàn bài (cách trình bày bước 2)

1. Các câu trong dàn bài phải rõ ý, ngắn gọn, nhưng không cần hoàn chỉnh, không cần tuyệt đối đúng ngữ pháp và không nhất thiết phải liên kết chặt chẽ với nhau. Vì dàn bài mới chỉ là dạng đề cương, chưa phải là bản thân văn bản.
2. Các phần, các mục lớn nhỏ trong dàn bài được phân biệt với nhau qua một hệ thống kí hiệu nhất quán và việc trình bày các mục phải thống nhất, rõ ràng, rành mạch, hợp lí.

Bài tập 4 (SGK trang 47):

Bước 1: Định hướng

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Bước 2: Xây dựng bố cục

Mở bài: Lí do viết thư

Thân bài:

- Ý lớn 1: Bày tỏ sự ân hận: HS chỉ ra ân hận vì điều gì?

- Ý lớn 2: Xin được tha thứ như thế nào?

* Kết bài: Lời hứa không tái phạm
* Bước 3: Diễn đạt các ý thành bài văn.
* Bước 4: Kiểm tra.

………………………………………………..

**NỘI DUNG TỰ HỌC DÀNH CHO HỌC SINH**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

**TUẦN 4 (27/9/2021 ->02/10/2021)**

**Tiết 13: NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN**

1. **Đọc hiểu chú thích:**

- Thể thơ: Lục bát, PTBĐ: biểu cảm.

- Nhan đề: Thể hiện nỗi niềm tâm sự thường là của tầng lớp bình dân, nêu lên hiện thực cuộc sống của tầng lớp lao động dưới chế độ xã hội cũ.

1. **Đọc hiểu văn bản:**
2. ***Bài ca dao số 2***

- Điệp từ: thương thay

- Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng: “con tằm, lũ kiến, hạc, con cuốc”

=> Nỗi khổ nhiều bề của thân phận những người lao động trong xã hội cũ. Sự đồng cảm với số phận của họ và tố cáo xã hội đen tối, đầy bất công.

1. ***Bài ca dao số 3***

- Hình ảnh so sánh: Thân em >< trái bần

- Hình ảnh ẩn dụ “gió dập, sóng dồi”

=> Số phận của người phụ nữ trong XHPK chìm nổi, lênh đênh, hoàn toàn lệ thuộc vào hoàn cảnh, không có quyền quyết định cuộc đời mình.

1. **Ghi nhớ (sgk tr49)**

**………………………………………..**

**NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM**

1. **Đọc hiểu chú thích:**

- Thể thơ: Lục bát, PTBĐ: biểu cảm.

- Nhan đề: Phơi bày các sự việc mâu thuẫn, phê phán thói hư tật xấu của hạng người và sự việc đáng cười trong xã hội.

1. **Đọc hiểu văn bản:**
2. ***Bài ca dao số 1***

- Chân dung người chú:

+ Hay: tửu, tăm, nước chè đặc, nằm nghỉ trưa.

+ Ước: ngày mưa, đêm thừa trống canh.

- Phép liệt kê, từ ngữ mỉa mai, nói ngược, giọng điệu nhẹ nhàng, bỡn cợt.

=> Tiếng cười chế giễu hạng người lười biếng, nghiện ngập.

1. **Bài ca dao số 2**

- Lời thầy bói nói với cô gái

+ Chẳng giàu thì nghèo

+ Có mẹ, có cha...

+ Có chồng, có con.

=> Châm biếm, phê phán những kẻ hành nghề mê tín dốt nát lừa bịp đồng thời châm biếm thói mê tín mù quáng của những người ít hiểu biết.

1. **Ghi nhớ (Sgk tr53)**
2. **Dặn dò**

- Học bài

- Soạn trước bài luyện tập tạo lập văn bản.

………………………………..

**Tiết 14 – 15 LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN**

**I. Ôn lại kiến thức cũ**

- Các bước tạo lập văn bản:

+ Định hướng chính xác.

+ Tìm ý, sắp xếp ý → bố cục rành mạch.

+ Diễn đạt các ý thành câu, đoạn.

+ Kiểm tra

**II. Luyện tập**

**Đề bài:** Viết thư cho 1 người bạn (hoặ người thân) ở xa để thăm hỏi, bày tỏ tình cảm và lời mời người thân hay người bạn ấy đến chơi.

*(HS chia sẽ phần chuẩn bị bài ở nhà của mình, GV góp ý sửa bài)*

**III.Dặn dò**

- Đọc trước bài: Sông núi nước Nam và Phò Phò giá về kinh

**Tiết 16: SÔNG NÚI NƯỚC NAM**

**I. Đọc, hiểu chú thích:**

**1. Tác giả *(****Chưa rõ)*

- Sau này nhiều sách ghi là Lý Thường Kiệt.

**2. Tác phẩm (sgk)**

**-** Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt

- Được coi là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất.

**II. Đọc, hiểu văn bản:**

***1. Hai câu thơ đầu***

- “Nam quốc”, “Nam đế”: Khẳng định sự tồn tại của nước Nam ta.

- “Tiệt nhiên”, “Thiên thư”: Sự phân định địa phận, lãnh thổ nước Nam trong “ thiên thư”.

**=>** Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi.

***2. Hai câu thơ sau***

- “Như hà…xâm phạm”: Câu hỏi tu từ khẳng định, tố cáo bản chất ngông cuồng, không có đạo lí của bọn phong kiến phương Bắc.

- “Nhữ đẳng…bại hư”: Lời cảnh báo khẳng định sự thất bại của kẻ thù nếu chúng cố tình xâm lược nước ta

=> Khẳng định niềm tin, ý chí quyết tâm chiến thắng kẻ thù bảo vệ Tổ quốc ,bảo vệ độc lập dân tộc. Đây là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc.

……………………………

**PHÒ GIÁ VỀ KINH**

1. **Đọc, hiểu chú thích:**
2. Tác giả: Trần Quang Khải (sgk)
3. Tác phẩm

- Thể thơ: ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật.

1. **Đọc, hiểu văn bản.**
2. ***Hai câu thơ đầu***

- Đảo trật tự thời gian, sử dụng động từ mạnh, giọng điệu khỏe khoắn, phấn chấn, tự hào.

=> Tái hiện không khí chiến thắng oanh liệt của quân ta. Thể hiện tình cảm vui mừng, tự hào của tác giả.

1. ***Hai câu thơ sau***

- “Thái bình”: Lịch sử đã sang trang mới, khép lại một giai đoạn và mở ra một thời kì mới.

- “Tu trí lực”: rèn luyện, tu dưỡng tài năng, sức lực.

=> Niềm tin, hi vọng vào sức mạnh dân tộc, vào nền thái bình lâu dài của dân tộc.

III. Ghi nhớ/sgk/68

…………………………………………………………………………………………….